TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/4/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Thiều Thị Phi Loan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 3490/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19/12/2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 22/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 33, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Trịnh Bá D**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 33, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Trịnh Bá D tự tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn với nhau; có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Nghị Đức, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/12/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân, mâu thuẫn phát sinh chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Dù hai bên đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thể đoàn tụ để xây dựng gia đình

hạnh phúc. Nay chị không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trịnh Nguyễn Anh T, sinh ngày 18/11/2018 và cháu Trịnh Đức D, sinh ngày 03/8/2021. Ly hôn, chị Th đề nghị được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Bá D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để làm việc, hòa giải và xét xử nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th đối với bị đơn anh Trịnh Bá D về việc ly hôn, về quan hệ hôn nhân: Chị Th được ly hôn với anh D, về con chung: Giao các con chung là cháu Trịnh Nguyễn Anh Th, sinh ngày 18/11/2018 và cháu Trịnh Đức D, sinh ngày 03/8/2021 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, anh D vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Bá D và đề nghị giao các con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Th là nguyên đơn, anh D là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trịnh Bá D hiện nay đang cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Ngày 30/12/2022, chị Th có đơn xin vắng mặt. Anh Trịnh Bá D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh D.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trịnh Bá D tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nghị Đức, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày

27/12/2016 nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị Th xác định không còn tình cảm với anh Dũng, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vả, to tiếng với nhau. Tại biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 15/02/2023 nơi chị Thanh và anh D đã từng sinh sống xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa các đương sự có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm rõ do các đương sự không trình báo.

[4.2] Đối với anh D, theo kết quả xác minh tại Công an phường Trảng Dài ngày 15/02/2023, xác định hiện nay anh Dũng có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ tổ 33, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên đã được Tòa án tiến hành nêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh D vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy anh Dũng có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Th và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của chị Thanh là có cơ sở chấp nhận

[4.3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Nguyễn Anh T, sinh ngày 18/11/2018 và cháu Trịnh Đức D, sinh ngày 03/8/2021. Ly hôn, chị Th đề nghị được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị này của chị Th là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ cháu Th là con gái, cháu D còn quá nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi nên các con cần được sự gần gũi, quan tâm chỉ dạy tỉ mỉ, bảo ban của người mẹ. Việc giao các con chung cho chị Thanh trực tiếp nuôi dưỡng là rất cần thiết. Tạm thời, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4.4] Về tài sản chung: Không xem xét.

[4.5] Về nợ chung: Không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th đối với bị đơn anh Trịnh Bá D về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trịnh Bá D.

Về con chung: Giao các con chung là cháu Trịnh Nguyễn Anh T, sinh ngày 18/11/2018 và cháu Trịnh Đức D, sinh ngày 03/8/2021 cho chị Nguyễn Thị Thanh trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Trịnh Bá D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh D thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Th đã nộp theo biên lai thu số 0005522 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Đào

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.